

SỰ CẦN THIẾT PHẢI HẠCH TOÁN MÔI TRƯỜNG CHO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ TIẾP CẬN PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN MÔI TRƯỜNG CHO DỰ ÁN PHÁT TRIỂN THUYẾT ĐIỆN

ThS. NGUYỄN THỊ HOÀNG HOA

Khoa Kinh tế và Quản lý - Đại học Thủy lợi

Tóm tắt: *Môi trường và sự phát triển kinh tế của các quốc gia luôn có mối quan hệ ngược chiều. Nếu đặt mục tiêu phát triển kinh tế cao đồng nghĩa với việc phải sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên, khả năng xảy ra sự ô nhiễm từ các chất thải công nghiệp là rất lớn, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của môi trường và ngược lại. Do đó, các quốc gia cần phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi. Để giải quyết được điều đó hạch toán môi trường sẽ xác định rõ các chi phí môi trường trong quá trình quản lý và sản xuất để tính toán đầy đủ khấu hao nguồn vốn thiên nhiên vào trong hạch toán kinh tế quốc dân mới thấy được giá trị thực của GDP của mỗi nước trong quá trình phát triển. Nghiên cứu hạch toán chi phí-lợi ích môi trường đối với các dự án phát triển thủy điện là cố gắng đưa giá trị chi phí-lợi ích môi trường gắn với sự phát triển. Sau đó cộng những giá trị này với các giá trị chi phí-lợi ích kinh tế của việc xây dựng và vận hành dự án từ đó có được một bức tranh của sự thay đổi trong toàn bộ phúc lợi xã hội liên quan đến quá trình phát triển của dự án.*

I. Sự cần thiết phải hạch toán môi trường cho quá trình phát triển

Trên thế giới, phát triển bền vững là vấn đề được nhiều nước quan tâm đã lâu. Từ khi diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh về trái đất ở Rio de Janeiro năm 1992, Môi trường và sự phát triển bền vững hiện nay không chỉ là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà nó đã trở thành vấn đề toàn cầu đang được thế giới đặc biệt quan tâm. Cộng đồng các doanh nghiệp thuộc các quốc gia đã không ngừng nâng cao nhận thức và có các hoạt động nhằm tiến tới phát triển kinh doanh bền vững. Không phải ngẫu nhiên mà các hội nghị quốc tế về môi trường tổ chức tại Bali lại thu hút sự chú ý theo dõi của toàn cầu bởi vì nó không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia mà nó còn ảnh hưởng tới sự tồn tại của chúng ta hiện nay và các thế hệ tương lai. Môi trường và sự phát triển kinh tế của các quốc gia luôn có mối quan hệ ngược chiều. Nếu đặt mục tiêu phát triển kinh tế cao khả năng phải sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên, khả năng xảy ra sự ô nhiễm từ các chất thải công nghiệp là rất lớn, ảnh hưởng lớn đến

sự phát triển bền vững của môi trường và ngược lại. Do đó, các quốc gia cần phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Các báo cáo phát triển kinh tế của Việt Nam lâu nay vẫn cho thấy GDP tăng trưởng mạnh mẽ, mà bỏ qua rằng sự tăng trưởng đó được trả giá đắt bằng tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước, bệnh tật, mất rừng và cảnh quan, mất đa dạng sinh học... Các chỉ số đo lường sự phát triển kinh tế hiện nay như GDP hay GNP đã không phản ánh đúng trạng thái thực của một nền kinh tế bền vững, chưa cho thấy nguồn vốn tự nhiên bị hao mòn đến mức nào và chất lượng môi trường, chất lượng cuộc sống bị tụt giảm tới đâu. Theo các chuyên gia, phải tính các chi phí này mới có được chỉ số GDP thật sự. Vì vậy, cần cải tiến hệ thống hạch toán quốc gia hiện nay để có thể tính các chi phí phục hồi môi trường vào trong GDP hay GNP.

Cố GS. Lê Quý An trước đây đã cho rằng: "Cần tính toán đầy đủ sự tái tạo của tài nguyên, khắc phục ô nhiễm mới thấy được giá trị thực của GDP. Lấy ví dụ của Mexico, chi phí cho

môi trường làm giảm đến 12% GDP. Còn ở Trung Quốc, tính toán thử 1 năm cho thấy tổn thất do suy thoái tài nguyên làm GDP giảm đi xấp xỉ 10%. Điều đó có tính định hướng để cảnh báo rằng nếu phát triển kinh tế mà không chú ý đến các vấn đề môi trường thì sẽ có sự tăng trưởng giả tạo, mà cái nợ này là gán cho tương lai".

Một số nhà khoa học cũng đã nhấn mạnh rằng đã đến lúc phải thay đổi nhận thức: "Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần cho phát triển, chứ không đồng nghĩa với phát triển. Lâu nay, trên các phương tiện đại chúng và trên tất cả các tài liệu chính thức mà chúng ta công bố, chỉ nói đến mức độ tăng trưởng GDP chứ chưa nói đến chất lượng tăng trưởng... Trong khi chờ thay đổi hệ thống hạch toán quốc gia để đánh giá được chất lượng tăng trưởng, chúng ta cũng có thể tìm thấy những dấu hiệu khác cho thấy tăng trưởng hiện nay thực chất đang phải trả giá bằng sự suy thoái môi trường, mà suy thoái môi trường trong thời gian qua rất nghiêm trọng".

Khái niệm hạch toán môi trường bắt đầu xuất hiện vào những năm đầu của thập kỉ 80 sau hàng loạt các thảm họa môi trường xảy ra tại Anh và Mỹ. Hạch toán môi trường hay còn gọi là hạch toán xanh, hạch toán tài nguyên là việc tính đủ các chi phí liên quan tới hoạt động bảo vệ môi trường vào giá thành của sản phẩm ở cấp độ doanh nghiệp. Với cấp độ quốc gia, hạch toán môi trường là việc xác định dưới dạng hiện vật và tiền tệ của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và sự thay đổi của trạng thái môi trường trong quá trình hoạt động của nền kinh tế. Trong các loại hình hạch toán thì hạch toán môi trường được coi là một loại hình hạch toán đặc biệt

Hạch toán môi trường rất cần thiết với những quốc gia có tốc độ tăng trưởng chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên sẵn có và những ngành công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm cao như nước ta. Nó cho phép đánh giá được tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế có tính đến tác động và hậu quả về môi trường. Chúng ta cũng có thể biết, nếu tính toán đầy đủ khấu hao nguồn vốn thiên nhiên vào trong hạch toán kinh tế quốc

dân thì kết quả thực của hoạt động kinh tế sẽ cho ta biết kết quả đó thấp hơn bao nhiêu phần trăm so với cách tính GDP truyền thống. Điều này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách thấy được trên thực tế, nền kinh tế phát triển dựa vào nguồn tài nguyên ở mức độ nào. Từ đó, cần nhắc khi xem xét các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong tương lai sao cho hợp lý và bền vững hơn. Mặt khác, biết được các chỉ số liên quan tới môi trường là rất quan trọng. Các thông tin về tổng lượng tiêu thụ năng lượng, tổng lượng chất thải ô nhiễm hàng năm... cho thấy sức ép về việc sử dụng nguồn tài nguyên và tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động kinh tế gây ra. Số liệu về tốc độ tiêu thụ cho thấy bao lâu nữa, quốc gia sẽ cạn kiệt nguồn tài nguyên không tái tạo được. Từ đó, gọi ra những chính sách quản lý môi trường cần thiết nhằm sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả hơn hoặc tăng cường kiểm soát lượng chất thải ô nhiễm. Việc hạch toán môi trường đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, nhưng vấn đề này còn rất mới ở Việt Nam. Việc áp dụng hạch toán môi trường gặp nhiều khó khăn vì có quá ít chuyên gia cũng như tài liệu nghiên cứu tổng quan về vấn đề này. Để từng bước áp dụng hạch toán môi trường, việc đầu tiên nên làm là thể chế hoá việc áp dụng hạch toán môi trường, biến công việc này trở thành một phần của hệ thống hạch toán, thống kê chính thức và bắt buộc trong hệ thống báo cáo thông tin kinh tế, xã hội ở cấp độ vĩ mô. Bên cạnh đó, nhanh chóng hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê về môi trường, liệt kê những số liệu Việt Nam đã có điều kiện cập nhật thường xuyên, những số liệu còn thiếu và những số liệu chưa có điều kiện thu thập. Từ đó xây dựng một kế hoạch và trình tự hoàn thiện dần hệ thống số liệu thống kê cần thiết về môi trường.

II. Tiếp cận phương pháp hạch toán môi trường cho dự án phát triển thủy điện

Để thấy rõ được lợi ích đem lại từ các giải pháp phát triển môi trường bền vững, người ta đã đưa ra phương pháp hạch toán môi trường, nhằm xác định rõ các chi phí môi trường trong

quá trình quản lý và sản xuất. Căn cứ phương pháp này, các doanh nghiệp bóc tách các chi phí trực tiếp và gián tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như trong quá trình xây dựng vận hành dự án đầu tư. Từ kết quả đó, xác định được giá trị thực của một sản phẩm để điều chỉnh chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đạt lợi nhuận cao nhất mà vẫn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Với ý nghĩa như vậy, hạch toán môi trường không thể tách rời công việc quản lý trong một doanh nghiệp và trong việc đánh giá hiệu quả kinh tế của một dự án đầu tư; là quá trình nhận dạng, thu thập, ước lượng, phân tích tài chính và thông tin phi tài chính, báo cáo nội bộ và sử dụng thông tin về nguyên vật liệu và các dạng năng lượng khác, thông tin chi phí môi trường... để dựa vào đó đưa ra các quyết định kinh doanh của một doanh nghiệp và quyết định thực hiện một dự án đầu tư.

Hiện nay, ở nước ta thủy điện là nguồn năng lượng chính đáp ứng nhu cầu điện quốc gia. Đến nay, các công trình thủy điện đã khai thác được khoảng 4.238 MW, chiếm hơn 40% tổng công suất lắp máy của toàn hệ thống điện quốc gia (khoảng 10.445 MW). Lượng nước sử dụng để phát điện từ dung tích hữu ích của các hồ chứa thủy điện khoảng 13,6 tỉ m³. Theo quy hoạch thủy điện trên 9 lưu vực sông chính, dự kiến thủy điện sẽ cung cấp khoảng 16.200MW, chiếm 62% trong tổng số 26.000MW cần bổ sung đến năm 2020.

Đối với các dự án thủy điện, theo đánh giá của các chuyên gia thì tiềm năng phát triển thủy điện của Việt Nam là rất lớn vì có hệ thống sông suối nhiều, đa dạng và sự chênh lệch về độ cao giữa các vùng trong lưu vực sông lớn. Tuy nhiên việc phát triển ở các dự án thủy điện trong thời gian vừa qua đang bị cảnh báo là tiềm ẩn những nguy cơ lớn đối với môi trường, Cũng như các ngành sản xuất khác, Việc xây dựng, vận hành các công trình thủy điện có tác động sâu sắc và lâu dài đến tài nguyên nước và môi trường lưu vực sông, bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực. Do vậy các dự án phát

triển thủy điện cũng cần phải được tính toán toàn bộ các chi phí-lợi ích môi trường bị tác động bởi việc thực hiện dự án đến toàn bộ phúc lợi xã hội và đến nền tảng tài nguyên thiên nhiên nơi tiến hành dự án. Để thực hiện được hạch toán môi trường đối với các dự án phát triển thủy điện trước hết chúng ta phải nhận dạng được các tác động đến môi trường của quá trình xây dựng, vận hành và khai thác dự án. Các tác động tích cực được hạch toán vào lợi ích môi trường, các tác động tiêu cực được hạch toán vào các chi phí môi trường.

Những tác động tích cực từ việc thực hiện dự án phát triển thủy điện

Vai trò tích cực của các dự án thủy điện trước hết là phát huy mọi năng lực của các vùng, nhằm làm tăng khả năng đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội đất nước cũng như của khu vực nơi xây dựng dự án.

Về phát triển kinh tế xã hội: Vai trò cực kỳ quan trọng của việc xây dựng thủy điện là tạo ra nguồn động lực mới trong phát triển kinh tế xã hội của vùng, có tác dụng mạnh mẽ đối với chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá, đồng thời tác động tích cực trong việc tạo ra những điều kiện mới về kinh tế, sinh thái và nhân văn của vùng lưu vực sông. Các nguồn lực phát triển mới sẽ nảy sinh trong vùng sau khi có thủy điện, tiện lợi cho phát triển các ngành nông lâm nghiệp, giao thông, thủy sản và du lịch dịch vụ, phát triển kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường. Trên cơ sở này sẽ mở ra khả năng hình thành một cơ cấu tổ chức lãnh thổ và xã hội mới, với cơ cấu kinh tế mới, thực hiện công nghiệp hoá- hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường ở các địa phương, tạo điều kiện và thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội, làm tăng hiệu quả phát triển kinh tế xã hội nói chung và khu vực kinh tế hộ gia đình của vùng nói riêng.

Việc cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ xây dựng thủy điện góp phần tạo động lực phát triển mới cho vùng. Năng lực thích nghi của nhân dân trong những điều kiện tác động của xây

dụng thủy điện để phát triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông - lâm nghiệp dần được công nghiệp hoá- hiện đại hoá. Các tác động (trực tiếp, gián tiếp) dẫn đến biến đổi phân công lao động và làm giảm cường độ lao động, khai thác các tài nguyên thiên nhiên (đất đai, rừng và các nguồn nước). Các tác động này sẽ làm biến đổi căn bản trạng thái tổ chức, cách thức quản lý và sử dụng của cộng đồng đối với các tài nguyên thiên nhiên sau khi xây dựng thủy điện. Các mô hình tổ chức phát triển kinh tế xã hội tiên tiến sẽ có thể được áp dụng và triển khai trong các trạng thái đặc thù sinh thái - nhân văn ở từng địa phương và do đó sẽ làm tăng hiệu quả đầu tư của dự án.

Về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường: Các tác động tích cực của dự án bao gồm các lợi ích về tài nguyên và môi trường mà dự án mang lại. Lượng điện năng do thủy điện mang lại là điện năng sạch. Sự có mặt của nguồn điện năng này tránh cho việc dùng nhiệt điện chạy than, dầu làm ô nhiễm môi trường hoặc điện hạt nhân với nhiều khả năng tai biến môi trường. Ngoài ra, sự có mặt của hồ chứa nước và hệ thống cơ sở hạ tầng đem lại lợi ích to lớn về tài nguyên và môi trường, như làm tăng những “kho” dự trữ nước và góp phần không nhỏ để cải tạo các điều kiện kinh tế sinh thái cho địa phương. Việc hình thành các hồ chứa lớn là tạo ra các khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo cảnh quan thiên nhiên đẹp là điều kiện tốt cho phát triển du lịch, dịch vụ giải trí...

Những tác động tiêu cực

Trước hết khi thực hiện các dự án thủy điện, phần lớn phải di chuyển, thực hiện tái định cư và tổ chức lại sản xuất, đời sống cho một số lượng dân cư trong vùng dự án. Việc di chuyển một số lượng dân cư sẽ liên quan đến một số tác động đến vấn đề xã hội và nhân văn của dân cư nơi tiến hành dự án và nơi tiếp nhận dân cư tái định cư. Những tổn thất tâm linh và các tác động làm thay đổi về phong tục, tập quán, truyền thống, trạng thái văn hoá vật chất và tinh thần của các dân tộc trong vùng. Điều này sẽ ảnh hưởng không tốt tới tinh thần và tâm lý của dân cư. Những tác động tiêu cực tiềm tàng của

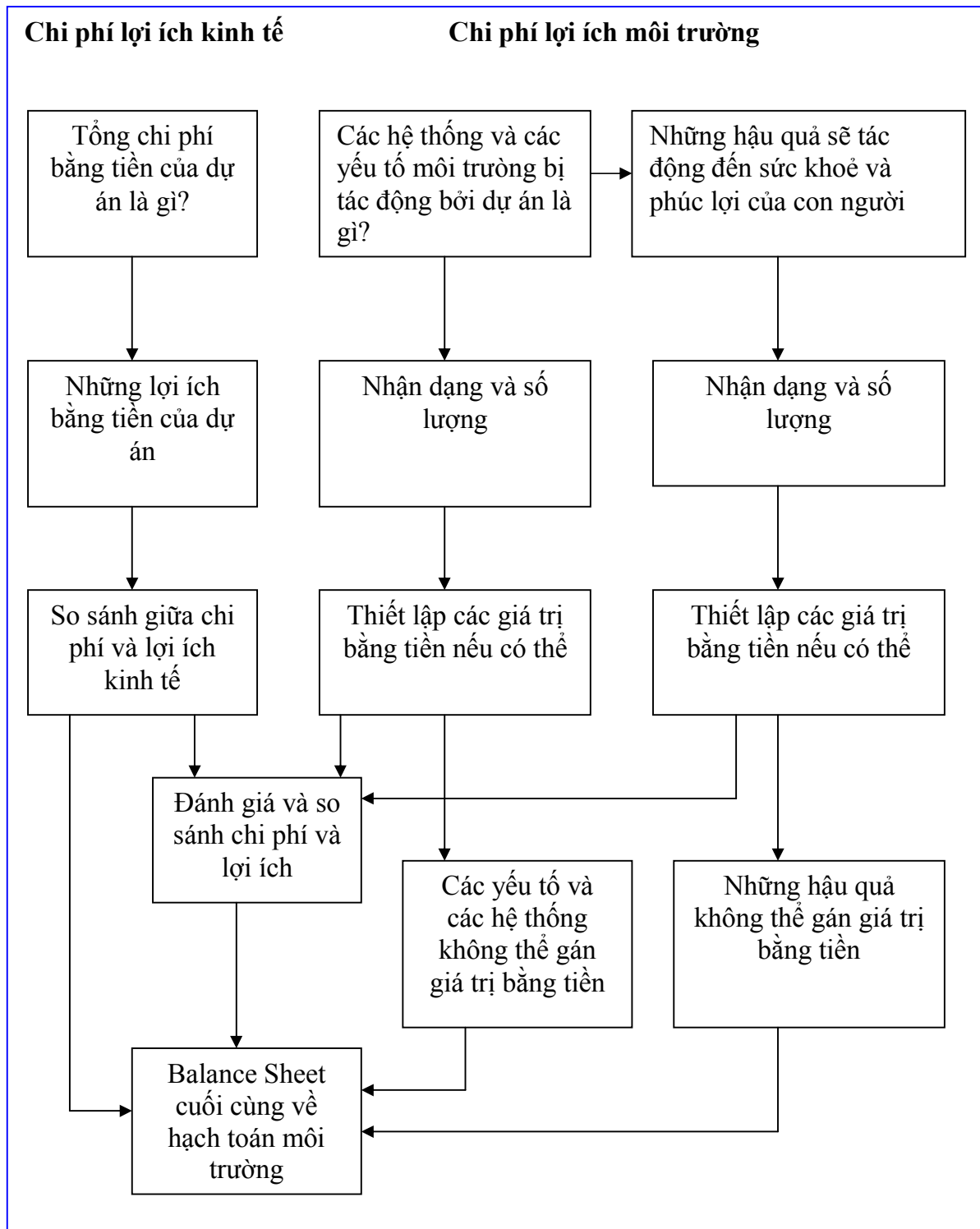
quá trình tái định cư được bộc lộ trước hết trong quá trình người dân phải làm quen với quê hương mới, ổn định đời sống và tổ chức xây dựng, phát triển sản xuất. Theo kết quả điều tra xã hội học, đại đa số những người được hỏi đều thể hiện không muốn phải di chuyển, rời xa quê cũ, lo rằng phải xa dòng tộc, bị phân ly và phải chung sống với những người mới.

Khi các hồ chứa hình thành sẽ làm ngập một diện tích rừng, đất đai, làm giảm khả năng hấp thụ CO₂ góp phần tăng khí thải CO₂, làm tăng hiệu ứng nhà kính- nguyên nhân của sự nóng lên của trái đất. Làm mất rừng cũng đồng nghĩa với làm mất đa dạng sinh học ở vùng dự án hoặc sẽ làm thay đổi hệ sinh thái cạn sang hệ sinh thái nước. Ngoài ra các hồ chứa có thể làm ngập cả các công trình văn hoá, mạng lưới giao thông, liên lạc đối với một số dự án có quy mô lớn, chia cắt giao thông, thông tin liên lạc và cả phân tách phạm vi và quan hệ lãnh thổ của các địa phương trong vùng dự án.

Trong thời gian thi công các hạng mục công trình, độ đục của nước sông tại đoạn sông hạ lưu sau đập thủy điện tăng lên rất nhiều. Do thay đổi chế độ dòng chảy nên lượng các chất hữu cơ trong nước của các công trình thủy điện bị giảm, sự đa dạng và số lượng các loài cá và các loài thủy sinh bị thay đổi rõ rệt, đặc biệt là những loài di trú theo mùa, hoặc làm mất đi các bãi đẻ trong mùa sinh sản. Cũng trong thời gian thi công các hạng mục công trình sẽ làm tăng ô nhiễm không khí, bụi và tiếng ồn ở khu vực dự án.

Trong các tác động của dự án phát triển thủy điện sẽ có nhiều tác động môi trường không hình thành được thị trường trao đổi (ví dụ như làm sạch không khí), một số yếu tố môi trường không xác định được giá trị trực tiếp chúng ta sẽ phải tiếp cận phương pháp CVM (Contingent Valuation Method); phương pháp HPM (Hedonic Pricing Method) để đánh giá giá trị của nó. Sau đó kết hợp các giá trị kinh tế và các giá trị môi trường để phân tích hiệu quả kinh tế của dự án phát triển đó. Bảng 2.1 giới thiệu một sơ đồ tổng quát về việc hạch toán chi phí lợi ích môi trường đối với dự án phát triển thủy điện.

Bảng 2.1: Sơ đồ hạch toán chi phí lợi ích môi trường của một dự án phát triển thủy điện



III. Kết luận

Với ý nghĩa và tầm quan trọng vô cùng to lớn của môi trường không chỉ đối với cuộc sống của chúng ta mà với cả nền kinh tế cho hiện tại và tương lai thì có thể nói hoạt động hạch toán chi phí lợi ích môi trường tất yếu sẽ xuất hiện trong hoạt động kiểm toán của cơ quan Kiểm toán Quốc gia. Với hy vọng trong tương lai gần, khi mà chúng ta có những quy định pháp lý cụ

thể cho hoạt động hạch toán môi trường, các cán bộ hạch toán môi trường của chúng ta được đào tạo đầy đủ và chuyên nghiệp...thì hoạt động hạch toán môi trường sẽ là một trong những nhân tố tích cực không những góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước mà còn góp phần tích cực trong công tác bảo vệ môi trường toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

1. Environmental Impact Assessment of the Bakun Hydroelectric in Malaysia.
2. Nguyễn Tuấn Trung. *ngiên cứu khoa học kiểm toán* . 2008
3. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common. *Natural Resource and Environmental Economics*. Third Edition. 2003. Nhà xuất bản Pearson Education Limited

Abstract

NECESARY OF ENVIRONMENTAL ACCOUNTING FOR DEVELOPMENT PROCESS AND APPROACH ENVIRONMENTAL ACCOUNTING METHOD FOR HYDROPOWER DEVELOPMENT PROJECTS

Environment and economic development of contries always have opposite direction relations. If set up high target for economic development have to use more natural resources, it lead to capability to cause more pollution by industrial waste, influence the sustainable development and vice versa. So contries should to harmonious between economic development and environmental protection. To solution this situation, environmental accounting will determine environmental costs in process of the production and management to caculate all depreciation of natural capital in national economic accounting to get actualy value of GDP of the country in process development. The following Environment Accounting Cost Benefit (EACB) study for Hydropower project endeavours to put a value on the environmental cost and benefit associated with the development. Then adds these valuations to the economic costs and benefits of constructing and operating a hydropower project in order to get a picture of the change in overall social welfare associated with the development process of a project.